TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Th

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn L

Bà Hoàng Thị Ch

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị T - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đ, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 913/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 975/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Bùi Đức D; nơi cư trú: Thôn Ích Tr, xã B, huyện A, thành phố H; vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Trần Lê Ngọc M; nơi cư trú: Tổ G 2, phường Ph, quận K, thành phố H; vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là anh Bùi Đức D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Lê Ngọc M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố H vào ngày 09 tháng 9 năm 2019. Quá trình chung sống, vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách hai bên không hợp nhau, vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống. Căng thẳng nhất là sau khi sinh con, chị Minh cùng con nhỏ về sống với mẹ đẻ tại Tổ G2, phường Ph, quận K, thành phố

H. Từ đó đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân nhau, vợ chồng không quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm gì đối với nhau. Đến nay anh xác định tình cảm của anh đối với chị Trần Lê Ngọc M không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên anh đề nghị Toà án nhân dân quận K giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Lê Ngọc M.

Về con chung: Anh và chị Trần Lê Ngọc M có 01 con chung là Bùi Đức Q, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2020. Cháu Q còn nhỏ, đang sống chung cùng với chị M, do vậy anh đề nghị Tòa án nhân dân quận K giao con chung là Bùi Đức Q cho chị Trần Lê Ngọc M chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản và công nợ của vợ chồng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh Bùi Đức D được ly hôn với chị Trần Lê Ngọc M.Về con chung: Giao con chung là Bùi Đức Q, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2020 cho chị Trần Lê Ngọc M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Về tài sản chung do anh D không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, buộc anh D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Chị Trần Lê Ngọc M là bị đơn, hiện cư trú tại Tổ dân phố G 2, phường Ph, quận K, thành phố H, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố H theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân quận Kiến An đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Trần Lê Ngọc M không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Trần Lê Ngọc M. Anh Bùi Đức D đã được Tòa án triệu tập lần 2 nhưng anh D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản

1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Đức D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đức D và chị Trần Lê Ngọc M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố H ngày 09 tháng 9 năm 2019. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào lời khai của anh Bùi Đức D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định anh D và chị M trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm với nhau. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Bùi Đức D và chị Trần Lê Ngọc M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Đức D là phù hợp pháp luật và thực tế vụ kiện, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Bùi Đức D và chị Trần Lê Ngọc M có 01 con chung là Bùi Đức Q, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2020. Tài liệu xác minh và lời khai của anh Bùi Đức D thể hiện: Cháu Bùi Đức Q hiện đang sống chung cùng chị Trần Lê Ngọc M. Chị M hiện là kế toán của Bệnh viện K, có đủ điều kiện và sức khỏe để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Mặt khác, do cháu Bùi Đức Q hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Để đảm bảo cho cháu Bùi Đức Q có điều kiện chăm sóc và phát triển một cách tốt nhất, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là Bùi Đức Q cho chị Trần Lê Ngọc M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa là phù hợp pháp luật. Anh Bùi Đức D tự nguyện góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (hai triệu đồng) một tháng, do vậy cần buộc anh Bùi Đức D góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là Bùi Đức Q mỗi tháng 2.000.000đ đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Anh Bùi Đức D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản.

[6] Về án phí: Anh Bùi Đức D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự; căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi Đức D ly hôn chị Trần Lê Ngọc M.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Đức Q, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2020 cho chị Trần Lê Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Đức D có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Trần Lê Ngọc M có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì hàng tháng anh Bùi Đức D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và công nợ: Anh Bùi Đức D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi Đức D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003571 ngày 22 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H, anh Bùi Đức D còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Đức D và chị Trần Lê Ngọc M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận K;
- VKSND thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND xã B, huyện A, thành phố H (ĐKHK: 09/9/2019);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Th